

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2022/KDTM-PT
Ngày 16-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Phương

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Nga-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2021/KDTM-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2022/QĐXX-PT ngày 5 tháng 01 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 353/TB-TA ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty VP, địa chỉ trụ sở: Số A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D, chức vụ: Phó phòng Dự án & Xây dựng cơ bản và Ông E - Chuyên viên pháp chế doanh nghiệp - Tổng Công ty VP (Giấy ủy quyền số: 88/2020/UQ-TGD, ngày 10-11-2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty VP); đều có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần HH; địa chỉ trụ sở: Số 1, đường F, phường G, quận F, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà H - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần HH (Giấy ủy quyền số: 1.4.21/UQ, ngày 01-4-2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần HH); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư I – Luật sư Công ty Luật TNHH BHD thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần HH là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16-6-2015, Tổng Công ty VP và Công ty Cổ phần HH ký kết Hợp đồng mua bán phân bón số 01/HĐ2015/KD2-HH với các nội dung cơ bản: Nguyên đơn bán cho bị đơn 179,319 tấn phân DAP TQ với 8.500.000 đồng/tấn; địa điểm giao nhận hàng: Tại kho Công ty J, thành phố Hải Phòng; thời gian giao hàng: Ngay sau khi ký hợp đồng; tổng giá trị hợp đồng là 1.524.211.500 đồng; bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 10% giá trị hợp đồng trước ngày 17-6-2015, số tiền còn lại chậm trả 06 tháng, quá thời hạn trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng cam kết giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ cho bị đơn. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 153.000.000 đồng (tương đương với 10% giá trị hợp đồng). Số tiền còn lại là 1.371.211.500 đồng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán.

Nguyên đơn yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết; cụ thể:

1. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền chậm thanh toán theo Hợp đồng mua bán phân bón số 01/HĐ2015/KD2-HH ngày 16-6-2015 được ký kết giữa Tổng Công ty VP và Công ty Cổ phần HH với tổng số tiền là: 1.969.360.254 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 1.371.211.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2020 là 598.148.754 đồng.

2. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01-11-2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29-12-2020, biên bản hòa giải ngày 08-4-2021, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn khoản tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng mua bán phân bón số 01/HĐ2015/KD2-HH ngày 16-6-2015 được ký kết giữa Tổng Công ty VP và Công ty Cổ phần HH với tổng số tiền là: 1.969.360.254 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 1.371.211.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 31-10-2020 là 598.148.754 đồng.

Sau khi tiến hành hòa giải vào ngày 08-4-2021, tại đơn đề nghị đề ngày 14-4-2021 bị đơn thay đổi ý kiến đã thỏa thuận được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành, cụ thể: Bị đơn xác nhận và chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.371.211.500 đồng và không chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm thanh toán tính

đến ngày 31-10-2020 là 598.148.754 đồng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 08/2021/KDTM-ST ngày 31/8/2021 của TAND quận Hồng Bàng đã căn cứ: Điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại 2005; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần HH phải có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty VP số tiền mua hàng hóa còn thiếu chưa thanh toán là: 2.075.328.605 đồng; trong đó tiền nợ mua hàng hóa là: 1.371.211.500 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến hết ngày 31-8-2021 là: 704.117.105 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 14/9/2021, bị đơn có đơn kháng cáo. Tại văn bản số 09/HH ngày 30/12/2021, bị đơn trình bày nội dung kháng cáo cụ thể: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ vụ án cho tòa án sơ thẩm xét xử lại vì những lý do sau:

1. Về tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H tham gia đại diện theo ủy quyền không hợp pháp.

2. Về việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn: Phiên xử sơ thẩm xét xử vào ngày 31/8/2021 khi dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, bị đơn không thể đến phiên tòa nhưng Tòa án vẫn xét xử là sai.

3. Về thời hiệu khởi kiện: Đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng Tòa án vẫn thụ lý, xét xử là không đúng.

4. Về việc tính lãi chậm trả: Trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về lãi không rõ ràng, nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ mà chấp nhận lãi suất nguyên đơn đề nghị là không khách quan.

5. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn với nội dung đề nghị nguyên đơn xuất hóa đơn GTGT đối với tài sản là trụ sở làm việc, quyền thuê đất cho công ty Hải Hà, bồi thường thiệt hại đã gây ra cho công ty Hải Hà suốt 15 năm qua với giá trị ước tính trên 40 tỷ đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và ý kiến như đã trình bày ở trên. Bị đơn rút yêu cầu về nội dung đề nghị xem xét về tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H tham gia đại diện theo ủy quyền không hợp pháp, các nội dung kháng cáo còn lại vẫn giữ nguyên.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng như nội dung kháng cáo bị đơn đã trình bày; phần nội dung đã nhận định phiến diện, không khách quan, áp dụng điều luật không đúng; dẫn đến tuyên bản án không có tính thuyết phục, trái pháp luật. Để đảm bảo tính khách quan, sự công bằng, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng bị đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định huỷ Bản án sơ thẩm số 08/2021/KDTM-ST ngày 31/8/2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật nhằm khắc phục các thiếu sót, giải quyết vụ án đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về nội dung kháng cáo:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

- *Về tố tụng:*

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các tổ chức kinh doanh, ký kết hợp đồng vì mục đích lợi nhuận, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận F nên thuộc những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] *Về việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn:* Bị đơn trình bày ngày 31/8/2021 khi dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, bị đơn không thể đến phiên tòa nhưng Tòa án vẫn xét xử là sai là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-KDTM ngày 18/8/2021 trong đó ấn định lịch xét xử lại vào ngày 31/8/2021, bị đơn không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa hay đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có quy định nào cấm Tòa án không được xét xử do tình hình dịch bệnh Covid-19, bị đơn cũng không thuộc trường hợp bị cách ly y tế do dịch bệnh Covid-19 nên Tòa án sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Bị đơn cho rằng theo thỏa thuận các bên trong hợp đồng thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền trước ngày 17/12/2015, nên căn cứ Điều 319 Luật Thương mại 2005 nguyên đơn được quyền khởi kiện trong thời hạn 02 năm, từ ngày 17/12/2017 nguyên đơn hết quyền khởi kiện. Tuy nhiên, ngày 10/11/2020 nguyên đơn mới khởi kiện là đã hết thời hiệu.

Xét theo quy định tại Điều 149 BLDS năm 2015 và Điều 184 BLTTDS năm 2015 đều quy định Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị đơn mới đề nghị áp dụng thời hiệu nên không có căn cứ áp dụng thời hiệu trong vụ án. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 BLDS năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp sau đây: “*Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện*”. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại phiên họp hòa giải ngày 8/4/2021 bị đơn đã công nhận khoản nợ gốc, nợ lãi với nguyên đơn. Do vậy, thời hiệu khởi kiện được tính lại kể từ ngày 9/4/2021, nên nếu áp dụng thời hiệu thì vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố là trái quy định pháp luật*: Trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, ngày 4/01/2021, bị đơn có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến trong đó có nội dung đề nghị Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn xuất hóa đơn GTGT đối với tài sản là trụ sở làm việc, quyền thuê đất cho Công ty Hải Hà, bồi thường thiệt hại đã gây ra cho công ty Hải Hà suốt 15 năm qua với giá trị ước tính trên 40 tỷ đồng. Đáng lẽ cấp sơ thẩm phải làm rõ nội dung yêu cầu này của bị đơn, làm các thủ tục tố tụng cần thiết để xem có thụ lý yêu cầu trên của bị đơn hay không nhưng cấp sơ thẩm lại không xem xét là có thiếu sót. Tuy nhiên, xét ngoài văn bản trình bày ý kiến trên, bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố, tại phiên họp hòa giải bị đơn cũng không có đề nghị gì về vấn đề này, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu trên là có căn cứ. Bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác về vấn đề này nếu có yêu cầu.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét về tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H, HĐXX căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 BLTTDS năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo trên của bị đơn.

-Về nội dung:

[6] Về hiệu lực của Hợp đồng mua bán phân bón số: 01/HĐ/KD2-HH ngày 16-6-2015: Hợp đồng lập thành văn bản, có chữ ký các bên, các bên thỏa thuận với nhau về việc mua bán hàng hóa, trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi bên, giá cả và hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán. Nội dung thỏa thuận và giao kết không trái với quy định của pháp luật nên hợp đồng được xác lập giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật thương mại, do vậy hợp đồng mua bán hàng hóa được các bên xác lập có hiệu lực pháp luật.

[7] Thực hiện hợp đồng, ngày 19-6-2015 nguyên đơn đã cung cấp đủ 179.319 tấn phân DAP TQ cho bị đơn theo hợp đồng đã ký kết và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 153.000.000 đồng (tương đương 10% giá trị hợp đồng). Số tiền còn lại bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.371.211.500 đồng, bị đơn công nhận số nợ gốc này, nên cần chấp nhận buộc bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là 1.371.211.500 đồng.

[8] Xét yêu cầu đòi lãi chậm trả: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 17-12-2015 đến thời điểm xét xử (ngày 31-8-2021) với mức lãi suất 9%/năm tính trên tổng số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Xét theo Điều 3 hợp đồng mua bán hàng hóa các bên quy định lãi suất chậm thanh toán được tính theo lãi suất ngân hàng. Thỏa thuận trên của các bên là chưa cụ thể, rõ ràng, không quy định rõ tính theo lãi suất gì, và theo lãi suất của ngân hàng nào? Nên căn cứ Điều 306 Luật Thương mại tính lãi suất quá hạn theo mức lãi suất trung bình của 3 ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ đề nghị áp dụng mức lãi suất 9%/năm là thấp hơn lãi suất trung bình của 3 ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử nên cần chấp nhận mức lãi suất của nguyên đơn. Cụ thể, số tiền lãi mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn như sau: $1.371.211.500 \text{ đồng} \times 9 \% / \text{năm} \times 05 \text{ năm}, 08 \text{ tháng}, 14 \text{ ngày} = 704.117.105 \text{ đồng}$ như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Như vậy tổng số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là: $1.371.211.500 \text{ đồng} + 704.117.105 \text{ đồng} = 2.075.328.605 \text{ đồng}$.

Từ phân tích trên, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí sơ thẩm: Giữ nguyên mức án phí sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của bị đơn về nội dung xem xét tư cách đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H tham gia đại diện theo ủy quyền không hợp pháp.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng hóa còn thiếu là 1.371.211.500 đồng (*Một tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu hai trăm mười một nghìn năm trăm đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 31-8-2021 là: 704.117.105 đồng (*Bảy trăm linh bốn triệu một trăm mười bảy nghìn một trăm linh năm đồng*), tổng là: 2.075.328.605 đồng (*Hai tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm hai tám nghìn sáu trăm linh năm đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là: 73.506.572 đồng (*Bảy mươi ba triệu năm trăm linh sáu nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng*).

Trả lại nguyên đơn số tiền 35.540.403 đồng là tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0010151 ngày 12-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ trừ vào số tiền 2.000.000đ bị đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010286 ngày 22/9/2021 tại Chi cục Thi hành án quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bị đơn đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- TAND quận Hồng Bàng;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương